

Số: 686 /QĐ - BVCTCH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
Gói thầu thuốc Generic
Thuộc dự toán: Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016;

Căn cứ Quyết định số 3377/QĐ-UB ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Ủy Ban Nhân dân Tp.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chính hình trực thuộc Sở Y tế TPHCM;

Căn cứ Quyết định số 4626/QĐ-SYT ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Sở Y tế Về việc duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-BVCTCH ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018-2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Bên mời thầu Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình Về việc thành lập Tổ thẩm định Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Tổ chuyên gia Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;





Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-BVCTCH ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019;

Xét Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tổ chuyên gia, Tờ trình thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bên mời thầu và Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá kỹ thuật ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình, Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018-2019;

Xét đề nghị của Bên mời thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018-2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình bao gồm:

1. Bảng tổng hợp các sản phẩm dự thầu đạt điểm kỹ thuật: *đính kèm phụ lục TH-2C.*

2. Bảng tổng hợp các sản phẩm dự thầu không đạt điểm kỹ thuật: *đính kèm phụ lục TH-2D.*

3. Bảng tổng hợp các sản phẩm dự thầu không được đánh giá kỹ thuật: *đính kèm phụ lục TH-2E.*

Điều 2. Quyết định này là căn cứ pháp lý để Bên mời thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và tổ chức thực hiện đấu thầu theo đúng qui định Luật đấu thầu. / *luu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KD (3b).

**Đại diện hợp pháp Bên mời thầu
GIÁM ĐỐC**


B.S. Châu Văn Đính



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM DỰ THẦU ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	3	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 5 % E	Aminoplasmal B.Braun 5 % E	VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
						0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.													
2	4	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate;	Aminoplasmal B.Braun 5 % E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalan	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
		Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.				ine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine1, 4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride													

BỆNH VIỆN
CHÂN THƯƠNG
CHÍNH HÌNH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH


STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
						hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.													
3	5	Isoleucine, Leucine, Lysine Hydrochloride, Methionine, Phenylalanine, Threonine, Tryptophan, Valine, Arginine glutamate, Histidine hydrochloride monohydrate, Alanine, Aspartic Acid, Glutamic Acid, Glycine, Proline, Serine, Magnesium acetate tetrahydrate, Sodium acetate trihydrate, Sodium chloride, Sodium hydroxide, Potassium hydroxide, Potassium Dihydrogen Phosphate, Glucose monohydrate, Calcium Chloride Dihydrate	Nutriflex Peri		VN-18157-14	40g + 80g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 5 túi 1000ml	Tiêm	Túi	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	6	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetate + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine + L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Glutamic acid + L-Histidine + L-Serine + L-Proline + L-Tyrosine + Glycine	Neoamiyu		VN-16106-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4458/QLD-ĐK NGÀY 01/04/2019)	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceutic als Co., Ltd	Nhật	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
5	8	Albumin người	Albutein 25% x 50ml	Albutein (đóng gói Grifols Biological s Inc., địa chỉ: 13111 Temple Avenue City of Industry, CA 91746, USA)	VN-16274-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 5364/QLD-ĐK NGÀY 12/04/2019)	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 50ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Grifols Biologicals Inc.	Mỹ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
6	8	Albumin	Albuminar 25		VN-13414-11	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 50ml	Tiêm	Chai	CSL Behring LLC	Mỹ	CÔNG TY TNHH GENDIS	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
7	9	Acid Alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) + Vitamin D3 (dưới dạng vitamin D3 100.000IU/g)	Fosamax Plus 70mg/5600I U		VN-19253-15	70mg + 5.600UI	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Frosst Iberica, S.A	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

Uli 5/74


SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
8	10	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) + Acid Clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	Axuka		VN-20700-17	1000mg +200mg	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	Tiêm	Lọ	S.C.Antibiotice S.A	Romani	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
9	11	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) + Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri)	Unasyn Inj 1500mg l's	Unasyn	VN-20843-17	0,5g +1g	Thuốc bột pha tiêm, truyền	Hộp 1 lọ	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
10	11	Ampicilin + Sulbactam	Ama Power		VN-19857-16	1000mg+500mg	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	Tiêm	Lọ	S.C.Antibiotice S.A.	Romani	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
11	12	Attapulgit + Aluminum hydroxide and magnesium	Gastropulgit e B/30 Sach	Gastropulgit e	VN-17985-14	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
12	14	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg		VN-17206-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 19981/QL D-ĐK NGÀY 22/10/2018)	16mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
13	14	Betahistine.2HCl	Kernhistine 16mg Tablet		VN-19865-16	16mg	viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Kern Pharma S.L.	Spain	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
14	16	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Merck KGaA; đóng gói: Merck KGaA & Co., Werk Spittal	CSSX: Đức, đóng gói: Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
15	16	Bisoprolol fumarate	Bisoprolol Fumarate 2.5mg		VN-18126-14	2,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ * 14 viên	Uống	Viên	Niche Generics Limited	Ireland	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
16	17	Bisoprolol fumarate	Concor Tab 5mg 3x10'S	Concor 5mg	VN-17521-13	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Merck KGaA; CSĐG: Merck KGaA & Co., Werk Spittal	CSSX: Đức, đóng gói: Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
17	18	Budesonid	Pulmicort respules 500mcg/2ml 20's	Pulmicort Respules	VN-19559-16	500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Hit	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
18	18	Budesonide	Budesonide Teva 0,5mg/2ml		VN-15282-12 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 23837/QL D-ĐK NGÀY 27/12/2018)	0,5mg/2ml	Hỗn dịch khí dung	Hộp 30 ống 2ml	Đường hô hấp	Ống	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK	Anh	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

Ulu 7/74
Thal

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
19	19	Calci + vitamin D3	Briozcal		VN-12270-11	500mg + 125IU	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim	Uống	Viên	Lipa Pharmaceutics Ltd	Úc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
20	20	Magnesium gluconate + calcium glycerophosphate	Fatig		VN-20359-17	0,426g + 0,456g	Dung dịch uống	Hộp 2 vỉ x 10 ống	Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX-BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
21	21	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj. 50IU/ml 1mlx5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
22	21	Salmon Calcitonin tổng hợp	Calco	Calco 50 I.U	VN-5473-10 (CÓ CÔNG VÂN GIA HẠN)	50 iu/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 1ml	Tiêm	ống	Lisapharma S.p.A	Italy	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH NGOẠI PHÚ GIA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
23	25	Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone natri)	Cefobid Inj 1g 1's	Cefobid	VN-21327-18	1g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l.	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
24	26	Cefoperazon + Sulbactam	Basultam		VN-18017-14	1g + 1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ bột pha tiêm	Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT	
25	27	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Pfizer Pharmaceutic als LLC; đóng gói: R-Pharm Germany GmbH	CSSX: Mỹ, Đón: Đức	Mỹ, gói: ĐÓN	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
26	27	Celecoxib	Cofidec 200mg		VN-16821-13	200mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Lek Pharmaceutic als d.d,	Slovenia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT	
27	29	Clostridium botulinum type A toxin-Haemagglutinin complex	Dysport 300U B/1	Dysport	QLSP-1015-17	300U	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharm Limited	Anh	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT	

3
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Ullu - nu?

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
28	30	Clostridium botulinum type A toxin - Haemagglutinin complex	Dysport 500U B/1	Dysport	QLSP-1016-17	500U	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
29	31	Cyclophosphamide	Endoxan 500mg Inj B/1	Endoxan	VN-16582-13 (CÓ CV GLA HẠN SỐ 5084/QLD-ĐK NGÀY 08/04/2019)	500mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
30	32	Cytidine-5-monophosphat disodium + Uridine	NUCLEO CMP FORTE	NUCLEO CMP FORTE	VN-18720-15	10mg+2,66mg	Bột đông khô và dung môi pha tiêm	H/3 ống bột và 3 ống dung môi 2ml	Tiêm	Ống	Ferrer Internacional S.A	Spain	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
31	35	Desflurane	Suprane 100%/240ml B/1	Suprane	VN-17261-13 (CÓ CV GLA HẠN SỐ 19857 NGÀY 19/10/2018)	100%	thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
32	36	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha	Hộp 5 ống x2ml	Tiêm	Ống	A.Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
33	38	Diacerein	Arthrorrein		9590/QLD-KD ngày 10/07/2017	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	ONE PHARMA INDUSTRIAL PHARMACEUTICAL COMPANY SOCIETE ANONYME	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
34	38	Diacerein	ARTHROREIN		9590/QLD-KD	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	One Pharma Industrial Pharmaceutical Company Societe Anonyme	Greece	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TTB YT MINH TRÍ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
35	39	Diazepam	Diazepam-Hameln Injection		VN-19414-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
36	41	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
37	42	Diclofenac Natri	Elaria		VN-16829-13	75mg	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd Ampoule Injectable Facility	Cyprus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
38	44	Diltiazem hydrochloride	Denazox		VN-10083-10 (CV GIA HẠN SĐK 21108/QLD -ĐK, 26/10/2016)	60mg	viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
39	44	Diltiazem hydrochloride	Eurozitim 60 mg		VN-16697-13	60mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	S.C.Arena Group S.A	Romania	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
40	45	Diosmin + Hesperidin	Venokern 500mg Film coated tablet	Venokern 500mg viên nén bao phim	VN-21394-18	450mg + 50mg	viên nén bao phim	Hộp 06 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Kern Pharma S.L.	Spain	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
41	45	Purified, micronized flavonoid fraction (Diosmin; Flavonoid expressed as hesperidin)	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Daflon	VN-15519-12	Purified, micronized flavonoid fraction 500mg (450mg Diosmin; 50mg Flavonoid expressed as hesperidin), 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
42	46	Dobutamine Hydrochloride	Dobutamine hameln 12,5mg/ml		VN-15324-12	12,5mg Dobutamin /ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 5 ống x 20ml	Tiêm truyền	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
43	48	Enoxaparin Natri	Lovenox 40mg/ 0,4ml	Lovenox	QLSP-892-15	40mg (4000 anti-Xa IU/0,4ml)/ 0,4ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
44	49	Enoxaparin Natri	Lovenox 60mg/ 0,6ml	Lovenox	QLSP-893-15	60mg (6000 anti-Xa IU/0,6ml)/ 0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
45	50	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguettant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguettant	France	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
46	52	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrat)	Fenilham		VN-17888-14	50.0mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
47	52	Fentanil (dưới dạng fentanil citrate)	FENTANYL-HAMELN 5MCG/ML	Fentanyl-Hameln 50mcg/ml	VN-17326-13	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
48	53	Fosfomycin sodium	Fosmicin for I.V.Use 1g		VN-13784-11	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Mejij Seika Pharma Co, Ltd	Nhật Bản	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
49	54	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH; địa chỉ: Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Pfizer Pharmaceuticals LLC ; Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, Đức	Mỹ, gói: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
50	55	Galantamin hydrobromid	Nivalin		VN-17333-13	2,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Sopharma AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
51	56	Galantamin hydrobromide	Nivalin 5mg		15444/QL D-KD ngày 02/10/2017	5mg	viên nén	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Sopharma AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC - MIỀN NAM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

Minh Tuấn

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
52	57	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính); NaCl; Magnesi clorid hexahydrat; KCl; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma inj 500ml	Geloplasma	VN-19838-16	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) 15g; NaCl 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; KCl 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat) 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Túi Polyole fine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
53	58	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride)	Viartril-S		VN-21282-18	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamin sulfate	Bột pha dung dịch uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Rottapharm Ltd.	Ireland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
54	59	Heparin sodium	Heparin		VN-15617-12	25000IU/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 5ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
55	61	Ifosfamide	Holoxan 1g Inj B/1	Holoxan	VN-9945-10 (CÓ CV GLA HẠN SỐ 19857 NGÀY 19/10/2018)	1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
56	62	Insulin detemir (rDNA)	Levemir FlexPen 300U/3ml B/5	Levemir FlexPen	QLSP-1033-17 (CÓ CV THAY ĐỔI MÃ BƯU ĐIỆN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC SỐ 19975/QL D-ĐK NGÀY 28/11/2017)	300U/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml	Tiêm	Bút	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
57	62	Insulin glargine	Lantus Solostar		QLSP-857-15	300IU/3ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm	Tiêm dưới da	Bút tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
58	63	Insulin người (Insulin hòa tan)	Humulin R Inj 1000IU/10ml	Humulin R (Cơ sở đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng: Lilly S.A; địa chỉ: Avda, de la Industria 30, 28108 Alcobendas (Madrid), Tây Ban Nha)	QLSP-897-15	1000ui/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	Tiêm	Lọ	Eli Lilly and Company (đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng: Lilly S.A)	Mỹ (đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng: Tây Ban Nha)	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
59	63	Insulin Human	Actrapid 1000IU/10ml B/1	Actrapid	QLSP-1029-17 (CƠ CẤP NHẬP MÃ CODE BƯU ĐIỆN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT SỐ 18649/QL D-ĐK NGÀY 13/11/2017)	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
60	64	Mỗi 3ml chứa: Insulin người (30% Insulin hòa tan + 70% Insulin Isophan)	Humulin 30/70 Kwikpen		QLSP-1089-18	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Lilly France	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
61	64	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixtard 30 FlexPen 300IU/3ml B/5	Mixtard 30 FlexPen	QLSP-1056-17 (CÓ CV ĐÌNH CHỈNH HOẠT CHẤT, HĂM LƯỢNG SỐ 2680/QLD-ĐK NGÀY 07/03/2019, CV CẬP NHẬP MÃ CODE BƯU ĐIỆN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT SỐ 18649/QLD-ĐK NGÀY 13/11/2017)	300IU/ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Tiêm	Bút	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
62	67	Potassium chloride	Kaldyum		VN-15428-12	600mg	Viên nang giải phóng chậm	Hộp 1 lọ 50 viên	Uống	Viên	Egis Pharmaceutic als Private Limited Company	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
63	68	Ketamine (dưới dạng Ketamine HCl)	Ketamine Hydrochlori de injection		VN-20611-17	500mg/10 ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ 10 ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

Ulu No

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hãng hóa dự thầu	Tên hãng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
64	69	Ketoprofen	Qepentex		7380/QLD-KD	20mg	Miếng dán	1 Gói x 7 miếng	Dán ngoài da	Miếng	Kyukyuu Pharmaceutical Co.,Ltd	Nhật Bản	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
65	70	Ketorolac tromethamol	Algesin-N		VN-21533-18	30mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	S.C. Rompharm Company S.r.l	Romani	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
66	70	Ketorolac trometamol	KEVINDOL		VN-22103-19	30mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 3 ống 1ml	Tiêm	Ống	Esseti Farmaceutici S.r.l	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
67	71	Lactulose (dưới dạng lactulose concentrate)	Duphalac 15ml	Duphalac	VN-20896-18	10g/15ml	Dung dịch uống	Hộp 20 gói x 15ml	Uống	Gói	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
68	71	Lactulose	Laevolac		VN-19613-16	10g/15ml	Dung dịch uống	Hộp 20 gói 15 ml	Uống	Gói	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
69	73	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat) 2%	Gel	Hộp 10 tuýp x 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
70	75	Mesna	Uromitexan 400mg/ 4ml Inj B/15	Uromitexan	VN-20658-17	400mg/4ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 15 ống x 4ml	Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
71	76	Methylprednisolone Hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylprednisolon	Bột vô khuẩn pha tiêm	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
72	77	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	MIDAZOLAM-HAMELN	Midazolam-hameln 5mg/ml	VN-16993-13	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
73	77	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	Paciflam		VN-19061-15	5mg	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
74	78	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	Fleet Enema		VN-21175-18	(19g + 7g)/118ml	Dung dịch thụt trực tràng	Hộp 1 chai 133ml	Thụt trực tràng	Chai	C.B Fleet Company Inc	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
75	79	Nadroparin Calcium	Fraxiparine Inj 0.3ml 10's	Fraxiparine 0,3ml	VN-14178-11	2850 anti-Xa IU/0,3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 0,3ml	Tiêm dưới da (SC)	Bơm tiêm	Aspen Notre Dame de Bondeville	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
76	80	Naftidrofuryl hydrogen oxalate	Praxilene Tab 200mg 20's	Praxilene	VN-15544-12	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Famar Lyon	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
77	81	Naloxon HCl (dưới dạng Naloxone hydroclorid)	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection		VN-17327-13	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
78	82	Natri clorid + Kali clorid + Calci clorid dihydrat + Natri acetat trihydrat + Magnesi clorid hexahydrat + L-malic acid	Ringerfundin	Ringerfundin	VN-18747-15	3,4g/500ml; 0,15g/500ml; 0,19g/500ml; 1,64g/500ml; 0,1g/500ml; 0,1g/500ml; 0,34g/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
79	83	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (xuất xứ: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 2ml	Tiêm	Ống	Delpharm Tours (xuất xứ: Biocodex)	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
80	84	Neostigmine metilsulfate	Neostigmine-hameln 0.5mg/ml injection		VN-15323-12	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
81	85	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean Oil	Lipofundin MCT/LCT 20%	Lipofundin MCT/LCT 20%	VN-16131-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 1818/QLD-ĐK NGÀY 19/02/2019)	Medium-chain Triglycerides 10,0g/100ml + Soya-bean Oil 10,0g/10ml	Nhũ trong tiêm truyền	Hộp 10 chai thủy tinh 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullé No


SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
82	85	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 250ml 1's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh chế 6g; Triglycerid mạch trung bình 6g; Dầu oliu tinh chế 5g; Dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 250ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
83	86	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 1's		VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh chế 6g; Triglycerid mạch trung bình 6g; Dầu oliu tinh chế 5g; Dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
84	87	Nicardipin hydrochlorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml		VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
85	88	Noradrenalin (dưới dạng noradrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutic al Works Polfa S.A.	Poland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	94,00	ĐẠT	ĐẠT
86	90	Paracetamol	Efferalgan 150mg Suppo	Efferalgan	VN-21850-19	150mg	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
87	91	Paracetamol	Offipain		VN-20751-17	Mỗi 1ml dung dịch chứa Paracetamol 10mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai x 100ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Demo S.A. Pharmaceutic al Industry	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
88	92	Paracetamol	Efferalgan 300mg Suppo	Efferalgan (Cơ sở xuất xứ: Upsa SAS, đ/c: 979 Avenue des Pyrénées, 47520, Le Passage, France)	VN-21217-18	300mg	Viên đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT



Ullc

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
89	93	Paracetamol	Effergalgin 80mg Suppo	Effergalgin (Cơ sở xuất xưởng: Upsa SAS, đ/c: 979 Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France)	VN-20952-18	80mg	Viên đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên đạn	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
90	94	Paracetamol + Codeine phosphate	Codalgin Forte		VN-13600-11 (CV GIA HẠN SĐK 5547/QLD-ĐK, 16/04/2019)	500mg + 30mg	viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Aspen Pharma Pty., Ltd	Australia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
91	96	Perindopril Arginine	Coversyl Tab 5mg 30's	Coversyl 5mg	VN-17087-13	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
92	97	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid) 50mcg	Phenylephrine Aguettant 50 Microgram mes/ml		VN-21311-18	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid) 50mcg	Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10ml	Tiêm	Bơm tiêm	Laboratoire Aguettant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
93	99	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vi x 14 viên	Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
94	100	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống 2ml	Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
95	101	Propofol	Propofol-Lipuro 0.5% (5mg/ml)		VN-13505-11 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 14646/QL D-ĐK NGÀY 30/07/2018)	5mg/ml	Nhũ tương tiêm	Hộp 5 ống tiêm 20ml	Tiêm truyền	Ống	B. Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
96	102	Propofol	Diprivan Inj 20ml 5's	Diprivan (Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Ltd., đ/c: Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire SK10 2A)	VN-15720-12	10mg/ml	Nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Hộp chứa 5 ống x 20ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	CSSX: Corden Pharma S.P.A; CS đóng gói: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Ý, CS đóng gói: Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

3
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

Ulla

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
97	102	Propofol	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13	1% (10mg/ml)	Nhũ tương để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
98	102	Propofol	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)		VN-5720-10 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 14646/QL-D-ĐK NGÀY 30/07/2018)	10mg/ml	Nhũ tương để tiêm hoặc truyền	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
99	104	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCl)	Zantac Inj 25mg/ml 5x2ml	Zantac Injection	VN-20516-17	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Ống	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
100	104	Ranitidin	Raxadoni		VN-16732-13	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Demo S.A Pharmaceutical Industry	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
101	105	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
102	106	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol 1 (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
103	107	Secukinumab	Fraizeron Inj 150mg 1's	Fraizeron	QLSP-H02-983-16	150mg	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 01 lọ	Tiêm	Lọ	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
104	111	Tenoxicam	Bart		770/QLD-KD ngày 25/01/2017 ; VN-21793-19	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Special Product's Line S.p.A	Italia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullu Nue

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
105	112	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6 %	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch tiêm truyền	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
106	112	Poly(O-2 hydroxyethyl) starch (HES) 6% (15g/250ml)	Tetraspan 6 % solution for infusion	Tetraspan 6% solution for infusion	VN-18497-14	6% (15g/250ml)	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
107	113	Tramadol hydrochlorid	TRAMADOL 100MG - ROTEXMEDICA		VN-20614-17	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml	Tiêm	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
108	113	Tramadol HCl	Tramadol-hameln 50mg/ml		VN-19416-15	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
109	114	Acid tranexamic	Medsamic 250mg/5ml		VN-20801-17	Mỗi 5ml dung dịch chứa Acid tranexamic 250mg	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd Ampoule injectable Facility	Cyprus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
110	115	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	H/1 ống 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	France	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
111	116	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	lọ	Vianex S.A Nhà máy C	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
112	118	Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
2																			
113	2	Alphachymotrypsin (tương ứng 4.200 IU Chymotrypsin USP)	Statripsine		VD-21117-14	4,2mg (tđ 21 microkatal)	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên nén	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullu 31/74

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
114	3	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Auropennz 1.5		VN-17643-14	1g + 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd.	India	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
115	4	Ampicilin + Sulbactam	Nerusyn 750		VD-26160-17	500mg + 250mg	Thuốc bột tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3-Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN SINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
116	5	Calci 500mg (dưới dạng Calci lactat gluconat 2940mg + Calci carbonat 300mg)	CALCIUM STADA 500 MG		VD-27518-17	Calci 500mg (dưới dạng Calci lactat gluconat 2940mg + Calci carbonat 300mg)	viên nén sùi bột	Hộp 1 tuýp x 20 viên	Uống	Viên	Chi Nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
117	6	Calcitriol	MEDITROL		VN-18020-14	0,25mcg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mega Lifesciences Public Company Ltd	Thailand	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
118	6	Calcitriol	Orkan SoftCapsule		VN-20486-17	0,25mcg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Young Poong Pharma. Co.,Ltd	Korea	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
119	7	Cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrat)	SCD CEFACLOR 250mg		VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
120	9	Ceftizoxim (dưới dạng ceftizoxim natri)	ZOXIMCEF 1g		VD-29359-18	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Uống	Lọ	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
121	10	Celecoxib	STADLORI C 200		VD-22678-15	200mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi Nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
122	10	Celecoxib	Celofin 200		VN-19973-16	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Hetero Labs Limited	Án Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
123	11	Diosmin + Hesperidin	SaViDimin		VD-24854-16	450mg + 50mg	viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 15 viên	uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVIS	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
124	11	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế tương ứng với: Diosmin + các flavonoid biểu thị bằng hesperidin	Diosmin 500		VD-22349-15	450mg+50mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
125	13	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vi x 10 viên	uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVIS	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

Uuu Nuu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
126	14	Etodolac	Savi Etodolac 200		VD-23005-15	200mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
127	15	Etoricoxib	NUCOXIA 90		VN-13085-11	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
128	16	Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) + Sodium clorid + Sodium hydroxid	Gelofusine		VN-20882-18	Mỗi 500ml chứa: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20,0g+ Sodium clorid 3,505g+ Sodium hydroxid 0,68g	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 chai plastic 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd	Malaysia	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
129	17	Losartan kali	Lostad T25		VD-21534-14	25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-VN	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
130	17	Losartan potassium	Presartan-25		VN-15064-12 (CV DUY TRÌ HIỆU LỰC SỐ 24055 NGÀY 28/12/2018)	25mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Ipsa Laboratories Ltd	Án Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
131	18	Mecobalamin	Methycobal Tab. 500mcg	Methycobal (đóng gói: Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd)	VN-12421-11 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 15615/QL D-ĐK NGÀY 08/08/2018)	500mcg	viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	Uống	Viên	Bushu Pharmaceutic als Ltd. Misato Factory	Nhật	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
132	18	Mecobalamin	Kalmeco		VN-20341-17	500mcg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	PT. Kalbe Farma Tbk	Indonesia	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
133	18	Mecobalamin	Hancetax capsule		VN-19030-15	500mcg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Myungmoon Pharmaceutic al Co., Ltd.	Korea	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
134	18	Mecobalamin	Mebaloget Tablet 500mcg		VN-13706-11; VN-21859-19	500mcg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Getz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
135	18	Mecobalamin	Conpramin Capsule		VN-21039-18	0.5mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Korea Arlico Pharm. Co.,Ltd	Korea	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÁCH KHANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
136	19	Methotrexat	Unitrexates		VN2-191-13, CVGH SĐK ĐẾN 20/05/2020	2.5mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc.	Korea	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
137	21	Paracetamol	Paracetamol Kabi 1000		VD-19568-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 11437/QLD -ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 48 chai x 100ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
138	25	Pregabalin	REGABIN 75		VN-20016-16	75mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vi x 10 viên	Uống	Viên	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
139	26	Risedronat natri	SaViRisone 35		VD-24277-16	35mg	Viên	Hộp 1 vi x 4 viên; hộp 3 vi x 4 viên	uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÁVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
140	27	Risedronat natri	SaViRisone 5		VD-23013-15	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÁVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
141	28	Rocuronium bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
142	29	Sắt protein succinylat	Ferlatum	Ferlatum (đóng gói: CIT s.r.l.)	VN-14241-11 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 67/QLD-ĐK NGÀY 04/01/2019)	800mg	Dung dịch uống	Hộp 10 lọ x 15ml	Uống	Lọ	Italfarmaco, S.A. (đóng gói tại: CIT s.r.l.)	Tây Ban Nha (đóng gói tại Ý)	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
143	30	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat)	Momencef 375mg		VD-31721-19	375mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vi x 7 viên; 1 túi x 3 vi x 7 viên; Hộp 1 túi x 4 vi x 7 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN SINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
144	30	Sultamicillin	Sulcilat 375mg Tablets		VN-19831-16	375mg	Viên nén	Hộp 1 vi x 10 viên	Uống	Viên	Atabay Kimya Sanayi Ve Ticaret A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH KỲ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
145	31	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6 %	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
146	32	Acid tranexamic	Haemostop 250mg/5ml Inj B/5	Haemostop	VN-21943-19	250mg/50ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
147	32	Tranexamic acid	Drensa Injection 50mg/5ml	Drensa Injection 50mg/ml	VN-21053-18	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 5ml	Tiêm	Ống	Ta Fong Pharmaceutical Co.,Ltd	Taiwan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
148	33	Acid Ursodeoxycholic	SAVI URSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
149	34	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	SAVI 3B	SAVI 3B	VD-30494-18	100mg + 100mg + 150mcg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
150	35	Vitamin C	VITAMIN C STADA 1G		VD-25486-16	1g	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vi x 4 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
3																			
151	1	Acid Acetylsalicylic	ASPIRIN 81		VD-29659-18	81mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 20 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
152	2	Acid Alendronic	SaVi Alendronate		VD-25266-16	10mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 vi x 4 viên, hộp 3 vi x 10 viên	uống	viên sủi	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
153	3	Các acid amin	Aminosteril 10% 500ml 12's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullu No

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
154	3	Các axit amin	Amiparen – 10	Amiparen - 10	VD-15932-11	10%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 200ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
155	4	L-Isoleucin; L-Lysin HCl; L-Tryptophan; L-Threonin; L-Valin; L-Phenylalanin; L-Methionin; L-Leucin; Glycin; L-Arginin HCl; L-Histidin HCl.H ₂ O; Xylitol	Mekoamin S 5%		VD-25369-16	750mg + 3075mg + 250mg + 750mg + 825mg + 1,2mg + 1g + 1,7g + 1,425g + 1,125g	dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
156	4	19 acid amin	Aminoacid Kabi 5%		VD-25361-16	5%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
157	4	L-Tyrosin; L-Aspartic acid; L-Glutamic acid; L-Serin; L-methionin; L-Histidin; L-Prolin; L-Threonin; L-Phenylalanin; L-Isoleucin; L-Valine; L-Alanine; L-Arginin; L-Leucine; Glycine; L-Lysine Acetate; L-Tryptophan; L-Cysteine	Amiparen – 5	Amiparen - 5	VD-28286-17	5%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
158	5	L-Arginin HCl; L-Histidin.HCl.H ₂ O; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Valin; Glycin; L-Lysin HCl; L-Tryptophan; L-Leucine; L-Isoleucin; L-Prolin; L-Serin; L-Alanin; L-Cystein.HCl.H ₂ O	Aminoleban	Aminoleban	VD-27298-17	8%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Tiêm tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
159	6	Acid tiaprofenic	Sunigam 100		VD-28968-18	100mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÂN SINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
160	7	Escin	Aescin 20mg		VD-23473-15	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 30 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
161	8	Acid alendronic + Colecalciferol	SaViOsmax		VD-28041-17	70mg + 2800 iu	Viên sủi bọt	Hộp 1 vỉ x 4 viên; hộp 3 vỉ x 4 viên	uống	viên sủi	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
162	9	Chymotrypsin	Alfachim		VD-18712-13	4.2mg	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 10 viên nén	Uống	Viên	Công ty CPDP Long Cửu	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



TH-2C

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
163	9	Chymotrypsin	Alphachymotrypsin		VD-13550-10 (KÈM CV 3788/QLD-ĐK, 21/03/2019)	21 micro katals	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
164	11	Ampicilin (dưới dạng Ampicilin natri) + sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Bipisyn		VD-23775-15	1g + 500mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
165	12	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri	Visulin 2g/1g		VD-27150-17	Ampicilin 2g + Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
166	14	Attapulgitte momoiron hoạt hóa + gel khô nhôm hydroxyde và magne carbonate	Gastrolium		VD-29831-18	2500mg + 500mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 3g	Uống	Gói	Công ty cổ phần Dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
167	15	Bacillus subtilis	Biosubtyl-II		QLSP-856-15	10 ⁷ - 10 ⁸ CFU/250mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Vắcxin & sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
168	16	Calci gluconolactat + Calci carbonat	GONCAL		VD-20946-14 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 10967/QL D-ĐK, NGÀY 03/07/2019)	1,47g + 0,15g	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
169	17	Calci carbonat + Calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg + 2940mg	viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp *20 viên nén sủi	Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
170	19	Calci carbonat + Vitamin D3	Calci-vitamin D		VD-19400-13	600mg + 400IU	Viên sủi bọt	Hộp 1 tuýp x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
171	20	Calci carbonat + Vitamin D3	Calsid 1250		VD-9759-09, CVGH SDK ĐẾN 08/08/2019	750mg + 100 iu	viên nang mềm	Hộp 20 vi x 5 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
172	20	Calci carbonat + Vitamin D3	NUTRIOS		VD-19150-13 (CV GIA HẠN: 15602/QL D-ĐK)	750mg + 100iu	viên nang mềm	H/20 vi x 5 viên nang mềm	Uống	Viên	CTY LDDP Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TMDP ÚC CHÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullu Nua

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
173	22	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	BICANMA®		VD-22621-15	456mg + 426mg	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty CP Dược TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
174	22	mỗi 10ml chứa Calci glycerophosphat 456mg + Magnesi gluconat 426mg	A.T Calmax		VD-26104-17	456mg + 426mg	dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10 ml	Uống	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
175	22	Calci Glycerophosphat, Magnesi gluconat	Origluta		VD-14367-11	456mg + 426mg	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
176	22	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	SODTUX		VD-28652-18	(456mg + 426mg)/10 ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Cty CP 23 Tháng 9	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
177	23	Calci lactat pentahydrat	CLIPOXID-300		VD-19652-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ 12709/QL D-ĐK NGÀY 04/07/2018)	300mg	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
178	24	Cefdinir	Midaxin 150		VD-12308-10	150mg	Viên nang	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
179	25	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Bifopezon 1g	Bifopezon 1g	VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
180	25	Cefoperazon	Cefobamid		VD-25207-16	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
181	25	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Viciperazol		VD-29214-18	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 Lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
182	26	Celecoxib	Devitoc 100mg		VD-19426-13	100mg	viên nén sùi	Tuýp 20 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullé Pao

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
183	27	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
184	28	Colchicin	COLCHICINE GALIEN		VD-22784-15	1mg	Viên nén	Hộp 1vi x 20viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
185	30	Dexibuprofen	Meyerdefen		VD-30777-18	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
186	30	Dexibuprofen	Philrogam		VD-31414-18	300mg	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐỒNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
187	31	Diazepam	Diazepam 10mg/2ml		VD-25308-16	Mỗi ống 2ml chứa Diazepam 10mg	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Tỉnh Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
188	32	Diazepam	Diazepam 5mg		VD-24311-16	5mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
189	33	Diclofenac natri	FENAGI 75		VD-30279-18	75mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
190	33	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12 (KÈM CV 1819/QLD-ĐK, 19/02/2019)	75mg	viên bao phim tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
191	35	Eperisone Hydroclorid	Waisan		VD-28243-17	50mg	viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
192	37	Adrenalin (Dưới dạng Adrenalin bitartrat)	Adrenalin 1mg/1ml		VD-31774-19	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
193	38	Esomeprazol	Savi Esomeprazole 10		VD-20809-14	10mg	Thuốc cốm uống	Hộp 14 gói x 0,65g	uống	gói	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
194	40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	Esogas	Esogas	VD-29952-18	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 5ml	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
195	40	Mỗi lọ chứa Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol natri)	ESOXIUM inj		VD-27306-17	40mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
196	40	Esomeprazol (dưới dạng bột đông khô chứa Esomeprazol natri)	DULCERO		VD-19948-13	40mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
197	42	Etoricoxib	AGIETOXI B 120		VD-29648-18	120mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
198	42	Etoricoxib	Flexidron 120		VD-21836-14	120mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược Phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GLOMED	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
199	42	Etoricoxib	ZOSTOPAIN 120		VD-22435-15	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
200	42	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ 5922/QLD-ĐK NGÀY 22/04/2019)	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
201	43	Etoricoxib	Flexidron 60		VD-21270-14	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược Phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GLOMED	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
202	45	Gabapentin	Neucotic		VD-27264-17	300mg	viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
203	45	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
204	45	Gabapentin	Neupencap		VD-23441-15	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
205	47	Mỗi 100ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 10g	Glucose 10 %	Glucose 10%	VD-25876-16	Mỗi 100ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 10g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
206	47	Glucose (Dextrose)	Glucose 10 %	Glucose 10%	VD-30703-18	10%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
207	48	Glucose khan	Glucose 30 %	Glucose 30%	VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
208	50	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 60 ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
209	50	Ibuprofen	Ibuhadi suspension		VD-29630-18	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ 60ml	Uống	Chai	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
210	53	Kali clorid	Kali clorid Kabi 10%		VD-19566-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 11437/QLD-ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
211	54	Kẽm (dưới dạng kẽm Gluconat)	Tozinax	Tozinax	VD-26368-17	10mg	viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
212	54	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat)	ZINC 10		VD-22801-15	10mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
213	54	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat) 10 mg	A.T Zinc		VD-24740-16	10mg kẽm	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

Ulu No

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
214	54	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	ZINFORCO L		VD-24409-16	10mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Hóa Dược Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
215	55	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ 4213/QLD-ĐK, NGÀY 27/03/2019	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
216	55	Ketorolac tromethamin	SAVIKETO ODT		VD-30500-18	10mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 3 vi x 10 viên, hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
217	56	Lidocain HCl	Lidocain Kabi 2%	Lidocain Kabi 2%	VD-18804-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ 4415/QLD-ĐK, NGÀY 29/03/2019	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 20ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược-trang thiết bị y tế Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
218	57	Linezolid	IDOMAGI		VD-30280-18	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
219	58	Lisinopril	AGIMLISIN 10		VD-26721-17	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
220	59	Loxoprofen natri	Loxoprofen 60mg		VD-30436-18	60mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
221	59	Loxoprofen natri	Meyeroxofen	Meyeroxofen	VD-30784-18	60mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
222	59	Loxoprofen natrihydrat tương ứng 60mg Loxoprofen natri	LOXOPROFEN		GC-0183-12	60mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
223	59	Loxoprofen (dưới dạng Loxoprofen natrihydrat)	Mezafen		VD-19878-13	60mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

Uuu Nuu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
224	60	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15%		VD-19567-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ:11437/QLD-ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
225	62	Mecobalamin	Galanmer		VD-28236-17	500mcg	viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
226	62	Mecobalamin	VACONEU ROBAL 500		VD-32680-19	500mcg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
227	62	Mecobalamin	Hadicobal		VD-19247-13	500mcg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
228	63	Mephenesin	Detracyl 250		VD-31625-19	250mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10, 10 vỉ x 20 viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
229	63	Mephenesin	AGIDECOT YL		VD-28818-18	250mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
230	64	Mephenesin	AGIDECOT YL 500		VD-25604-16	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 12 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
231	64	Mephenesin	Detracyl 500		VD-31626-19	500mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
232	65	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	Soli-Medon 125	Soli-Medon 125	VD-23777-15	125mg	Thuốc tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 2ml	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mờ thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
233	65	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat) 125mg	Atisolu 125 inj		VD-25648-16	125mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ + 5 ống dm 2 ml	Tiêm	lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
234	66	Metoclopramid hydroclorid	Metoran	Metoran	VD-25093-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
235	66	Metoclopramid hydroclorid	Metoclopramid Kabi 10mg		VD-27272-17	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 12 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
236	67	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
237	67	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
238	68	Nabumeton	Arthledin		VD-27876-17	750mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
239	69	Acetylcystein	Acetylcystein		VD-21827-14	200mg	Thuốc bột uống	Hộp 100 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
240	70	Naproxen	SavNopain 500		VD-29130-18	500mg	viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÁVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
241	70	Naproxen (dưới dạng Naproxen natri)	Ameproxen 500		VD-25741-16	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
242	70	Naproxen	Meyerproxen 500		VD-31368-18	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
243	71	Natri clorid	Natri clorid 0,9%		VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
244	71	Natri Chlorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24415-16	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
245	71	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Natri clorid 0.9% 100ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0.9 %	VD-32723-19	0,9g/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
246	72	Natri clorid	Natri clorid 0,9%		VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
247	72	Natri Chlorid	Sodium chloride 0,9 %		VD-24415-16	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
248	72	Natri clorid	Sodium Chloride 0.9 %	Sodium Chloride 0.9%	VD -24019-15	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
249	72	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Natri clorid 0.9% 500ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0.9 %	VD-32723-19	0,9g/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
250	73	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9 %		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
251	73	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Nước muối sinh lý NATRI CLORID 0,9%		VD-32743-19	0,9%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000 ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
252	74	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Natri clorid 0.9% 1000ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0.9%	VD-32723-19	0.9g/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 1000ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
253	75	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%	NATRI CLORID 0,9%	VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
254	75	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Nước muối sinh lý NATRI CLORID 0,9%		VD-32743-19	0,9%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500 ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
255	76	Natri clorid	Natri clorid 3%		VD-23170-15	3g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

VIỆN
CHÂN THƯƠNG
- HÌNH
HỒ CHÍ MINH

Ullu Nas

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
256	78	Natri clorid ; Kali clorid ; Monobasic kali phosphat ; Natri acetat.3H2O ; Magne sulfat.7H2O ; Kẽm sulfat.7H2O ; Dextrose Anhydrous	Glucolyte -2		VD-25376-16	IL dung dịch chứa: Acetate 10mEq, Cl- 77mEq, Dextrose 75g, K+ 20mEq, Mg2+ 5mEq, Na+ 77mEq, Phosphat 10mmol, Sulfat 5mEq, Zn2+ 0,08mEq	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
257	79	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	Natri bicarbonat 1.4%	Natri bicarbonat 1.4%	VD-25877-16	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 250ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
258	80	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	VD-23172-15		Dung môi pha tiêm	Thùng 20 Chai 500ml	Pha tiêm	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
259	81	Oxacillin (dưới dạng Oxacillin natri)	Oxacillin 1g		VD-30654-18	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
260	83	Papaverin hydroclorid	Papaverin 2 %		VD-26681-17	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
261	85	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14	150mg	thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
262	86	Paracetamol	Paracetamol Kabi 1000		VD-19568-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 11437/QLD -ĐK, NGÀY 19/06/2018)	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 48 chai x 100ml	Tiêm truyền	Chai thủy tinh	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
263	87	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
264	88	Paracetamol	ACEMOL		VD-16812-12	325mg	Viên nén	Hộp 40 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
265	89	Paracetamol + Codein phosphat	Panalgan Effer Codein		VD-31631-19	500mg +30mg	Viên nén sủi	Hộp 4 vỉ x 4 viên nén sủi	Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
266	90	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	DinalvicVP C		VD-18713-13	325mg +37.5mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
267	90	Paracetamol + Tramadol HCl	DEGEVIC'S		VD-28199-17	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 Viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
268	91	Vitamin K1	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-18191-13 (CV 10829/QL D-ĐK ngày 01/07/2019)	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
269	91	Phytomenadion	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-25217-16	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
270	92	Povidon iod	Povidon iod 10%		VD-23647-15	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
271	92	Povidone Iod	PVP - Iodine 10%		VD-30239-18	Mỗi 100ml chứa Povidon iod 10g	Dung dịch dùng ngoài	Lọ 500ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
272	93	Povidon iod	Povidon iod 10%		VD-23647-15	10%	Dung dịch dùng ngoài	Lọ 90ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
273	93	Povidone iodine	POVIDONE		VD-17882-12	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
274	93	Povidone iodine	Povidon iod 10%		VD-32019-19	10%(kl/tt)	Dung dịch dùng ngoài	Bọc màng co 20 lọ x 90ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
275	94	Povidon iod	POVIDINE 4%		VD-31645-19	20g/500ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
276	94	Povidon iod	POVIDINE	Povidine 4%	VD-31645-19	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Povidon iod 20g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Dược Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
277	95	Pregabalin	Antivic 75		VD-26751-17	75mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

63/74

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
278	95	Pregabalin	MORITIUS		VD-19664-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ 12709/QL-D-ĐK NGÀY 04/07/2018)	75mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
279	96	Pyrazinamid	Pyrazinamide 500mg		VD-23605-15	500mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
280	97	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin hydroclorid)	A.T Ranitidine inj		VD-24133-16	50mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
281	98	Rifampicin	AGIFAMCI N 300		VD-14223-11	300mg	Viên nang	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimcxpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
282	99	Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrat, Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11 (KÈM CV 5966/QLD-ĐK, 22/04/2019)		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
283	99	Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid.2H ₂ O; Natri acetat.3H ₂ O	Acetate Ringer's		VD-24018-15		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	chai nhựa LDPE 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai nhựa LDPE 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
284	100	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g; Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid.2.H ₂ O 0,135g	Ringer lactate		VD-22591-15	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g; Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid.2.H ₂ O 0,135g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
285	100	Sodium chloride + Potassium chloride + Calcium chloride dihydrate tương đương Calcium chloride khan + Dung dịch Sodium lactate tương đương Sodium lactate khan	Lactate Ringer		VD-16087-11 (KÈM CV 5966/QLD-ĐK, 22/04/2019)		Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
286	100	Calci clorid.2H ₂ O ; Kali clorid ; Natri clorid ; Natri lactat	Lactated Ringer's		VD-25377-16		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	chai 500ml	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
287	100	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 3g + Natri lactat 1,56g + Kali clorid 0,2g + Calci clorid. 2H2O 0,135g	Ringer Lactat 500ml	Dịch truyền tĩnh mạch Ringer Lactat	VD-30059-18	(Natri clorid 3g + Natri lactat 1,56g + Kali clorid 0,2g + Calci clorid. 2H2O 0,135g)/500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
288	101	Dextrose khan 11,365g/250ml; Natri clorid 1,5g/250ml; Kali clorid 75mg/250ml; Natri lactat 750mg/250ml; Calci clorid.2H2O 50mg/250ml	Lactated Ringer's and Dextrose		VD-21953-14	Dextrose khan 11,365g/250ml; Natri clorid 1,5g/250ml; Kali clorid 75mg/250ml; Natri lactat 750mg/250ml; Calci clorid.2H2O 50mg/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
289	101	Natri clorid + Kali clorid + Calci Clorid.2H2O + Natri Lactat + Glucose monohydrat	Ringer lactat & Glucose 5% 500ml	Dịch truyền tĩnh mạch Ringer lactat và Glucose 5%	VD-16423-12 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 3200/QLD-ĐK NGÀY 18/03/2019)	Ringer lactat + Glucose 5%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai nhựa 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
290	104	Silymarin	LIVERTON 70		VD-15891-11	70mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
291	106	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Cotrimoxazo 1480mg		VD-24799-16	400mg + 80mg	Viên nén	Hộp 20 vi x 20 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
292	106	Sulfamethoxazole + Trimethoprim	Sulfaprim		VD-16093-11 (KÈM CV. 5966/QLD-ĐK, 22/04/2019)	400mg + 80mg	viên nén	Hộp 10 vi x 20 viên	Tiêm truyền	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
293	107	Sultamicilin	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén	Hộp 1 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
294	110	Thiocolchicosid	Aticolcide 4	Aticolcide 4	VD-30301-18	4mg	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
295	111	Ticarcilin (dưới dạng Ticarcilin dinatri) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	VITICALAT 1,6G		VD-26321-17	1,5g + 0,1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
296	113	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Tobramycin 80mg/2ml		VD-28673-18	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
297	113	Tobramycin	A.T Tobramycine inj		VD-25637-16	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
298	113	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Tobramycin Kabi		VD-23173-15	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 2ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược trang thiết bị y tế Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
299	114	Tramadol HCl	Privagin		VD-19966-13	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
300	116	Acid tranexamic	HANEXIC		VD-23838-15	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 5ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
301	116	Tranexamic acid	Tranexamic acid 250mg/5ml		VD-26911-17	Mỗi ống 5ml chứa tranexamic acid 250mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
302	116	Acid tranexamic	Zentramol		VD-26684-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
303	116	Tranexamic acid	A.T Tranexamic inj		VD-25638-16	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
304	117	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin 500 mg		VD-31300-18	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
305	117	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin 500 A.T		VD-25664-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 3 lọ + 3 ống dm 10 ml	Tiêm	lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
306	117	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin HCL)	VALBIVI 0.5G	Valbivi 0,5g	VD-18365-13	500mg	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
307	119	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	DEBOMIN		VD-22507-15	10mg + 940mg	Viên nén sủi	Hộp 1 tuýp 10 viên	Uông	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
308	120	Vitamin C (acid ascorbic)	Bidicorbic 500		VD-19842-13 + KÈM CV GIA HẠN SỐ : 19992/QL D-ĐK NGÀY 22/10/2018	500mg	viên nang cứng	Chai 100 viên	Uông	Viên	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

SE
CHẤM
CHỈ
Y PHỐ

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
309	120	Vitamin C	Ascorbic 500		VD-28886-18	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 50 vi x 10 viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
310	121	Acid ascorbic	Vitamin C 500mg/5ml		VD-25216-16	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
311	121	Vitamin C	CEVITA 500		VD-27734-17	Mỗi 5ml chứa acid ascorbic 500mg	Dung dịch tiêm	Hộp 10vi x 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
312	121	Acid ascorbic	Vitamin C Kabi 500mg/5ml		VD-32121-19	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
4																			
313	1	Aceclofenac	Clanzacr		VN-15948-12	200mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Y ĐÔNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
314	2	Diacerein	Triopilin		VD-19806-13	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
315	2	Diacerein	GLASXINE		VD-17702-12	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
316	4	Trimetazidin	SaVi Trimetazidin e 35 MR		VD-11690-10	35mg	viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
317	4	Trimetazidin dihydroclorid	Trimetazidin e Stada 35mg MR		VD-25029-16	35mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DP KHƯƠNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
5																			
318	3	Dexibuprofen	NALGIDO N 200	NALGIDON - 200	VN-17596-13(CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ : 14022/QL D-ĐK)	200mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Synmedic Laboratories	INDIA	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM MINH KHANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
319	4	Diclofenac natri	DICLOFEN GEL		VN-21602-18	1%	Gel bôi ngoài da	Hộp 1 Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	FOURRTS INDIA LABORATORIES Pvt, Ltd	INDIA	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM MINH KHANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

ville nou

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
320	5	Etoricoxib	AGIETOXI B 120		VD-29648-18	120mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
321	5	Etoricoxib	Flexidron 120		VD-21836-14	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược Phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GLOMED	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
322	5	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13 (CÔNG VÂN GIA HẠN SỐ 5922/QLD-ĐK NGÀY 22/04/2019)	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
323	6	Etoricoxib	Flexidron 60		VD-21270-14	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược Phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GLOMED	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
324	7	Febuxostat	Feburic 80mg		VN2- 444-15 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 5646/QLD-ĐK NGÀY 16/04/2019)	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Patheon France	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
325	7	Febuxostat	ZENTOGO UT-80		QLĐB-655-18	80mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
326	7	Febuxostat	Furic-80		VN3-77-18	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Lupin Ltd	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
327	7	Febuxostat	Theofcb-80		VN3-148-19	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Theon Pharmaceuticals Limited	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN GIA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
328	8	Ketoprofen	KEFENTECH		VN-10018-10	30mg/miếng dán	Miếng dán	Gói 7 miếng	Dùng ngoài	Miếng	Jeil Health Science Inc	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
329	9	Mecobalamine	MEBAAL 1500		VN-20019-16	1500mcg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Windlas Biotech Private Limited	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

Tổng số sản phẩm đánh giá : 358

Tổng số sản phẩm ĐẠT : 329

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

Ngày 30 Tháng 8 Năm 2019

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM DỰ THẦU KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
I																			
1	8	Human albumin	Human Albumin Baxter Inj 250g/1 50ml 1's	Human Albumin Baxter 250g/1	QLSP-0702-13	250g/l	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai 50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Baxter AG	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
2	13	Bào tử kháng da kháng sinh Bacillus clausii	Enterogermina		QLSP-0728-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 14618/QLD-ĐK NGÀY 30/07/2018)	2 tỷ bào tử/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 2 vỉ x 10 ống x 5ml	Uống	Ống	Sanofi S.p.A	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
3	15	Betamethasone dipropionate + Betamethasone sodium phosphate	Diprospan Injection		VN-15551-12 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 9889/QLD-ĐK NGÀY 31/05/2018)	6,43mg/ml + 2,63mg/ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Tiêm	Ống	Schering Plough Labo N.V.	Bỉ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
4	17	Bisoprolol fumarat	BISOPROLOL STADA 5MG	Bisostad 5	VD-23337-15	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên Doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2D

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
5	23	Cao Ginkgo biloba + Troxerutin + Heptaminol hydrochloride	Ginkor Fort		VN-16802-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 10635/QLD-ĐK NGÀY 08/06/2018)	14mg + 300mg + 300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
6	26	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam Natri) + Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone Natri)	Sulperazone IM/IV Inj 1g 1's	Sulperazone	VN-16853-13	500mg + 500mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
7	38	Diacerein	ARTHROR EIN		9590/QLD-KD	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	One Pharma Industrial Pharmaceutical Company Societe Anonyme	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
8	42	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml Inj 3ml 1x5's	Voltaren 75mg/3ml	VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 1 vi x 5 ống 3ml	Tiêm	Ống	Lek Pharmaceutic als d.d.	Slovenia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
9	48	Enoxaparin natri	Gemapaxane	Gemapaxane	VN-16312-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 8011/QLD-ĐK NGÀY 27/05/2019)	4000 IU/0,4ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2D

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
10	49	Enoxaparin natri	Gemapaxane	Gemapaxane	VN-16313-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 8011/QLD-ĐK NGÀY 27/05/2019)	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DUƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
11	54	Gabapentin	Tebantin 300mg		VN-17714-14	300mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÁCH NIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
12	95	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	Paratramol		VN-18044-14	37,5mg + 325mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
13	95	Paracetamol + Tramadol hydrochloride	Paratramol		VN-18044-14	325mg + 37.5mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Ba Lan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
14	98	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) + Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	Tazocin Inj 4.5g	Tazocin	VN-20594-17	4g + 0,5g	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm tĩnh mạch (IV)	Lọ	Wyeth Lederle S.R.L	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2D

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
15	110	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sultamicillin	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
2																			
16	12	Enoxaparin natri	Lupiparin		VN-17089-13	60mg/0,6 ml	Bơm tiêm đóng sẵn thuốc	Hộp chứa 2 bơm tiêm (0,6ml)	Tiêm	Bơm tiêm	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	China	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
17	13	Eperisone hydrochlorid	Zonaxson tab. 50mg	Zonaxson	VN-20343-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
18	15	Etoricoxib	Bixocot 90		VN-16714-13 (CV DUY TRÌ HIỆU LỰC SỐ 24038 NGÀY 28/12/2018)	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	XL Laboratories Pvt., Ltd	An Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2D

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
19	16	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính); NaCl; Magnesi clorid hexahydrat; KCl; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma inj 500ml	Geloplasma	VN-19838-16	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) 15g; NaCl 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; KCl 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat) 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
20	17	Losartan postassium	TROYSAR 25		VN-10960-10	25mg	C	Hộp 3 x 10 viên	Uống	Viên	Troikaa Pharmaceutic als Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
21	25	Pregabalin	PREGASAF E 75		VN-15199-12	75mg	viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	MSN Laboratories Private Limited	India	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NGỌC LINH TRANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2D

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
22	36	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid zoledronic anhydrous (dưới dạng Zoledronic acid monohydrat) 5mg	Zoltonar		VN-20984-18	5mg	dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	Tiêm	Chai	Idol Ilac Dolum Sanayii Ve Ticaret A.S	Turkey	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
3																			
23	40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	A.T Esomeprazol 40 inj		VD-24727-16	40mg	Thuốc tiêm	Hộp 5 lọ thuốc + 5 ống dung môi 5ml	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
24	49	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	Tiêm	ống	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
25	70	Naproxen Natri	NAPROFAR		VD-19337-13	550mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
26	77	500ml dung dịch chứa: Glucose khan 25g + Natri clorid 2,25g	Dextrose - natri	Dextrose - natri	VD-20309-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SỐ 11437/QLD -ĐK, NGÀY 19/06/2018)	500ml dung dịch chứa: Glucose khan 25g + Natri clorid 2,25g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa PPKB	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THUẬT THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2D

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
5																			
27	1	Aescinate sodium	Sodium Aescinate for injection 10mg		2426/QLD-KD	10mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Wuhan Changlian Laifu Pharmaceutical Limited Liability Company	Trung Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
28	2	Aescinate sodium	Sodium Aescinate for injection 5mg		2425/QLD-KD ngày 01/02/18	5mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Wuhan Changlian Laifu Pharmaceutical Limited Liability Company	Trung Quốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
29	7	Febuxostat	VOCANZ 80		QLĐB-608-17	80mg	viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP Dược Phẩm Trung Ương 2	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

Tổng số sản phẩm đánh giá : 358

Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT : 29

- Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT do KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT :
- Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT do KHÔNG PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU HOẶC LÔ THẦU : 29
- Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT do KHÔNG PHÙ HỢP VỚI HÀNG MẪU :

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2D

Ngày ...30... Tháng ...8... Năm ...2019.....

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3																			
1	19	Calci carbonat + Vitamin D3	CALCI-VITAMIN D		VD-19400-13 (CVGH 13899 / QLD-DK NGÀY 19/07/2018 CỤC QLD)	600mg + 400UI	Viên sủi	Hộp 1 tuýp x 10 viên nén sủi	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	LIÊN DANH SAGORA - THỊNH PHÁT	ĐẠT	K.ĐẠT	K.ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
4																			
2	2	Diacerein	TRIOPILIN		VD-19806-13 (CVGH SỐ 20408/ QLD-ĐK NGÀY 25/10/2018)	50mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam	LIÊN DANH SAGORA - THỊNH PHÁT	ĐẠT	K.ĐẠT	K.ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

Tổng số sản phẩm dự thầu : 360

Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐÁNH GIÁ : 2

Ngày 30 Tháng 8 Năm 2019

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA
PHÓ GIÁM ĐỐC



